CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **2512795 – 2512796**

1. **Đơn vị yêu cầu** : **CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM**
TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO NỌC (HEO GIỐNG ĐỰC) THEO MÔ HÌNH TRANG TRẠI LẠNH KHÉP KÍN, QUY MÔ 1.400 CON
Địa chỉ: Tổ 1, Thôn 2, Xã Thống Nhất, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước
2. **Phân loại mẫu** : Môi trường không khí
3. **Ngày lấy mẫu** : 24/06/2025
4. **Ngày trả kết quả** : 09/07/2025

Chỉ tiêu / Điểm đo	Nhiệt độ ^0C	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Độ ồn dBA
K1: Khu vực chuồng trại	29,8	74,3	< 0,4	78,6
K2: Khu vực xử lý nước thải	30,4	71,4	< 0,4	64,7
Phương pháp đo, xác định	QCVN 46:2012/BTNMT			TCVN 7878-2:2018
Tham khảo QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	**≤ 85**
Thảm khảo QCVN 26:2016/BYT	**18 – 32**	**40 – 80**	**0,2 – 1,5**	-

Chỉ tiêu / Điểm đo	Bụi mg/m^3	SO_2 mg/m^3	NO_2 mg/m^3	NH_3 mg/m^3	H_2S mg/m^3
K1: Khu vực chuồng trại	0,258	0,093	0,083	2,4	1,5
K2: Khu vực xử lý nước thải	0,265	0,097	0,089	1,9	1,1
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5293:1995	MASA Method 701
Tham khảo QCVN 02:2019/BYT	**8**	-	-	-	-
Tham khảo QCVN 03:2019/BYT	-	**10**	**10**	**25**	**15**

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty
- (-): Thông số không quy định giới hạn; Quy chuẩn so sánh theo yêu cầu của Khách hàng; KPH: Không phát hiện ; LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **2512827**

1. **Đơn vị yêu cầu** : **CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM**
TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO NỌC (HEO GIỐNG ĐỰC) THEO MÔ HÌNH TRANG TRẠI LẠNH KHÉP KÍN, QUY MÔ 1.400 CON
Địa chỉ: Tổ 1, Thôn 2, Xã Thống Nhất, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước
2. **Phân loại mẫu** : **NN** – Giếng khoan trong trang trại
3. **Ngày lấy mẫu** : 24/06/2025
4. **Ngày trả kết quả** : 09/07/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
01	pH	-	7,52	-	**5,8 – 8,5**	TCVN 6492:2011
02	Độ cứng tổng số (tính theo $CaCO_3$)	mg/L	106	-	**500**	SMEWW 2340C:2023
03	TDS	mg/L	340	-	**1500**	HD66-ĐO (TDS)
04	Clorua (Cl^-)	mg/L	154	-	**250**	SMEWW 4500-Cl-.B:2023
05	Amonia ($N\text{-}NH_4^+$)	mg/L	KPH	**0,01**	**1**	SMEWW 4500-NH3.B&F:2023
06	Sắt (Fe)	mg/L	KPH	**0,04**	**5**	TCVN 6177:1996
07	Nitrat ($N\text{-}NO_3^-$)	mg/L	1,3	-	**15**	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2023
08	Nitrit ($N\text{-}NO_2^-$)	mg/L	KPH	**0,005**	**1**	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2023
09	Coliform	MPN/ 100ml	< 1,8	-	**3**	SMEWW 9221B:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: giới hạn phát hiện;
- QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **2512870**

1. **Đơn vị yêu cầu** : **CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM**
TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO NỌC (HEO GIỐNG ĐỰC) THEO MÔ HÌNH TRANG TRẠI LẠNH KHÉP KÍN, QUY MÔ 1.400 CON
Địa chỉ: Tổ 1, Thôn 2, Xã Thống Nhất, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước
2. **Phân loại mẫu** : **NT** – Nước thải hồ chứa nước thải sau xử lý
3. **Ngày lấy mẫu** : 24/06/2025
4. **Ngày trả kết quả** : 09/07/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QC1 Cột B	Tham khảo QC2	Phương pháp phân tích
01	pH	-	6,77	**5,5 – 9**	**5,5 – 9**	TCVN 6492:2011
02	BOD_5 (20°C)	mg/L	76	**100**	-	SMEWW 5210B:2023
03	COD	mg/L	192	**300**	-	SMEWW 5220C:2023
04	TSS	mg/L	125	**150**	-	TCVN 6625:2000
05	Tổng Nitơ	mg/L	53,4	**150**	-	TCVN 6638:2000
06	Clorua (Cl-)	mg/L	126	-	**≤ 600**	SMEWW 4500-Cl⁻.B:2023
07	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	-	**≤ 0,1**	SMEWW 3113B:2023
08	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	-	**≤ 0,01**	SMEWW 3113B:2023
09	Tổng Crom (Cr)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	-	**≤ 0,5**	SMEWW 3113B:2023
10	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	-	**≤ 0,002**	SMEWW 3112B:2023
11	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	-	**≤ 0,05**	SMEWW 3113B:2023
12	E.Coli (*)	MPN/ 100ml	$1,7 \times 10^2$	-	**≤ 200**	SMEWW 9221B:2023
13	Coliform	MPN/ 100ml	$4,0 \times 10^3$	**5000**	-	SMEWW 9221B:2023

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: giới hạn phát hiện; Quy chuẩn so sánh theo yêu cầu của khách hàng
QC1: QCVN 62-MT:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi; (*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
QC2: QCVN 01-195:2022/ BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **2512851**

1. **Đơn vị yêu cầu** : **CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM**
TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO NỌC (HEO GIỐNG ĐỰC) THEO MÔ HÌNH TRANG TRẠI LẠNH KHÉP KÍN, QUY MÔ 1.400 CON
Địa chỉ: Tổ 1, Thôn 2, Xã Thống Nhất, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước
2. **Phân loại mẫu** : Mẫu đất tại khu vực dùng nước thải sau xử lý để tưới cây
3. **Ngày lấy mẫu** : 24/06/2025
4. **Ngày trả kết quả** : 09/07/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 03:2023/BTNMT Loại 1	Phương pháp phân tích
01	Asen (As)	mg/kg	KPH	**0,3**	**25**	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
02	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	**0,15**	**4**	
03	Chì (Pb)	mg/kg	KPH	**3**	**200**	US EPA Method 3051A+ US EPA Method 7000B
04	Crom tổng (Cr)	mg/kg	KPH	**5**	**150**	
05	Đồng (Cu)	mg/kg	17,5	-	**150**	
06	Kẽm (Zn)	mg/kg	22,8	-	**300**	

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- KPH: Không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện;
- QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất